

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 220/BVSN-TCU
V/v mời chào giá vật tư, hóa chất các
loại cho khoa Hỗ trợ sinh sản Bệnh viện
Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Văn bản số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-BVSN ngày 15/02/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động thường xuyên có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh;

Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm vật tư, hóa chất các loại cho khoa Hỗ trợ sinh sản Bệnh viện Sản Nhi (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư y tế nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 21/04/2023 đến trước 16 giờ 00 ngày 04/05/2023.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh
(Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Điện thoại liên hệ: 02033.696568

Địa chỉ email: duocsannhi@gmail.com

Bệnh viện xin trân trọng thông báo. /s/

Nơi nhận:

- Nt (Phê duyệt);
- Lưu: VT,TCU. /s/

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời ngày 21/04/2023 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh)



STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường rửa tinh trùng 30ml	Môi trường dùng để chuẩn bị tinh trùng. Thành phần: Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, sodium carbonate, sodium chloride.... Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Môi trường pH=7.35 ± 0.1. Áp suất thẩm thấu: 290 ± 5 (mOsm/kg). Độ độc tố vi khuẩn < 0.25 (IU). Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 30ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	50
2	Môi trường đông tinh 10ml	Môi trường dùng để đông lạnh tinh trùng. Thành phần: Calcium chloride, Chemically Defined Lipid Concentrate, Gentamicin, Glucose, Glycerol, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium chloride, MOPS, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, ...Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 2700±300. Môi trường pH =7,45±0,20. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: <0,5. Khả năng sống của tinh trùng > 80%. Hộp ≥ 4 x 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	5
3	Môi trường làm chậm tinh trùng SpermSlow	Là môi trường dùng làm chậm lại sự di chuyển của tinh trùng người, từ đó có thể bất tinh trùng để tiêm vào bào tương trứng khi thực hiện kỹ thuật ICSI trong hỗ trợ sinh sản. Thành phần: Nước, EBSS, Human Serum Albumin, Gentamicin Sulphate, HEPES Free Acid, Sodium Bicarbonate, Sodium Pyruvate, SSR® (Synthetic Serum Replacement). Bảo quản: Từ 2-8°C, tránh ánh nắng trực tiếp. Không được trữ đông. Đã được kiểm tra chất lượng nghiêm bằng các thử nghiệm: Đã được kiểm tra độ vô trùng (Ph. Eur., USP). Đã được kiểm tra nội độc tố ≤ 0.2 EU/ml (Ph. Eur., USP). Phân tích HSA (Ph.Eur., USP). Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng. Thử nghiệm khả năng di động của tinh trùng.	Hộp	5
4	Môi trường rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung	Dung dịch dùng để rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung, không dùng để nuôi cấy. Thành phần bao gồm: Calcium Chloride, Gentamicin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate, Nước tiêm. pH (tại +37°C và 6% CO2): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 125ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	160
5	Môi trường thao tác trứng chứa HAS	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường 6% CO2): 7,27 ± 0,07; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Lipoic acid, Magnesium sulphate, Methionine, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium citrate, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm. Lọ ≥ 125ml. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Lọ	5



6	Môi trường thao tác trứng chứa albumin huyết thanh người	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,27 ± 0,07; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm. Lọ ≥ 30ml. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	85
7	Môi trường thụ tinh	Môi trường để chuẩn bị và xử lý trứng và tinh trùng, và cho thụ tinh ống nghiệm. Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamate, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Lipoicacid, Magnesium sulphate, Methionine, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Taurine, nước tiêm... pH (tại +37°C và môi trường 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 60ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	220
8	Môi trường chuyển phôi	Môi trường dùng để chuyển phôi. Dung dịch đệm Bicarbonate có chứa Hyaluronan và Albumin người tái tổ hợp. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamate, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Calcium pantothenate, Cystine, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Hyaluronan, Magnesium sulphate, Methionine, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Taurine, nước tiêm...pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	1
9	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI. Xử lý nhốt tinh trùng có chứa Albumin người tái tổ hợp và PVP. Thành phần bao gồm: Calcium chloride, EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Polyvinylpyrrolidone (PVP), Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Albumin người tái tổ hợp, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phục hồi vận động tinh trùng người cho ICSI: ≥ 40% di động ban đầu. Hộp ≥ 5 x 0,1 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	32
10	Môi trường nuôi phôi liên tục	Môi trường nuôi cấy phôi từ khi thụ tinh đến giai đoạn túi phôi. Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamin, Arginin, Asparagie, Aspartat, CaCl ₂ , Canxi pantothenat, Cystin, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamat, Glycine, Histidin, Hyaluronan, Isoleucin, Natri citrat, Nước tiêm...pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi	Lọ	85

		phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 . Lọ ≥ 30 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
11	Môi trường phủ đĩa nuôi cấy	Dùng để phủ lên môi trường trong suốt quá trình thụ tinh trong ống nghiệm và các quá trình vi thao tác. Dầu khoáng parafin, đã lọc tiệt trùng. Mức độ đảm bảo tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $<0,25$. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 . Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Đạt. Lọ ≥ 100 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	200
12	Dung dịch chứa Hyaluronidase	Dung dịch dùng để loại bỏ tế bào cumulus. Đệm muối sinh lý chứa Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Calcium chloride, di-Sodium dihydrogen phosphate, Albumin huyết thanh người, Hyaluronidase, Magnesium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, nước tiêm...pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): $7,27 \pm 0,07$. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 . Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,5$. Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: Đạt. Hộp $\geq 5 \times 0,1$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	80
13	Kim tiêm trứng có đầu nhọn góc 35°	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, tiêm trứng. Đường kính trong: 4-5,5 μ m. Chiều dài đầu tip: 17-20 μ m. Chiều dài kim: 55-65 mm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	600
14	Kim giữ phôi có đầu nhọn góc 35°	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, giữ phôi Đường kính trong: 20-30 μ m. Chiều dài đầu tip: 120 ± 10 μ m. Chiều dài kim: 50-60 mm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.040
15	Kim sinh thiết phôi góc 35°, đường kính trong 30 μ m	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, thu sinh thiết phôi ngày 3. Đường kính trong: 30 μ m, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	510
16	Kim sinh thiết phôi góc 35°, đường kính trong 25 μ m	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, thu sinh thiết phôi ngày 5. Đường kính trong: 25 μ m, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	170
17	Kim chọc hút trứng	Gồm 1 nòng, đầu kim có 3 cạnh vát. Vùng phản xạ siêu âm dài 20 mm và 5 mm. Chiều dài kim: 300 mm. Đường kính ngoài / trong: 1,5 / 1,2 mm. Nối với bơm tiêm bằng khóa. Tay cầm thuận tiện có mũi tên dập nổi cho biết chiều vát kim. Không thuận tiện có mũi tên dập nổi cho biết chiều vát kim. Không tương đương bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.900
18	Kim sinh thiết gai nhau	Dụng cụ dùng để làm sinh thiết nhau thai có hướng dẫn siêu âm. Chiều dài 150 mm, đường kính ngoài 1mm G19 (gauge). Được trang bị cùng kim thăm dò và khóa kết nối với 1 ống tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
19	Đĩa nuôi cấy 5 giếng	Dùng để tách bào tương trứng trước khi làm ICSI, nuôi cấy và đông lạnh. Gồm 5 giếng có đánh số. Vật liệu polystyrene. Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa. Kiểm nghiệm MEA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn	Cái	3.900

		ISO 13485 hoặc tương đương		
20	Đĩa nuôi cấy vi giọt 12 giếng	Dùng để nuôi cấy phôi. Gồm 12 vi giếng tối ưu cho các giọt từ 25-30 µl. Vật liệu polystyrene. Nhận diện bằng chữ và số, có gờ bảo vệ giữa các vi giếng. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800
21	Đĩa nuôi cấy Φ40 mm	Dùng để lấy trứng, thụ tinh và nuôi cấy. Đường kính ngoài: 40 mm. Có gờ an toàn ở mép đĩa để giảm thiểu nguy cơ chảy tràn. Vật liệu polystyrene. Được kiểm nghiệm MEA-test và HSSA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.000
22	Đĩa thu trứng 90mm	Đường kính ngoài: 90 mm; Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; Đạt chuẩn kiểm định thiết bị Y tế châu Âu loại IIa, CMD/CAS Canada; Khử trùng bằng chiếu xạ; Đạt tiêu chuẩn CE; ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.200
23	Dụng cụ chứa cọng trữ phôi	Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi. Dẹt dài 140 mm; có 7 màu để phân biệt. Phần thân trong suốt để quan sát bên trong. Cây rút bên trong dễ dàng lấy cọng trữ phôi. Khả năng chứa cọng trữ phôi: 3 cọng 0,5 ml (không que), 8 cọng 0,25 ml (không que), 3 cọng 90 mm (có que). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
24	Đĩa ICSI	Đĩa có dạng hình vuông và mặt nghiêng thấp cho phép tiếp cận dụng cụ nuôi cấy dễ dàng; Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn tiệt trùng 10-6; Đạt chuẩn kiểm định thiết bị Y tế châu Âu loại IIa, CMD/CAS Canada; Kiểm nghiệm MEA-test, Đạt tiêu chuẩn CE. ISO 13485;	Cái	800
25	Dụng cụ chuyển phôi huỳnh quang toàn thân	1 ống bọc ngoài bằng polymer dễ uốn, đường kính trong / ngoài: 1,9 / 2,7 mm với 6 số đánh dấu hướng dẫn; 1 catheter chuyển phôi mềm bên trong bằng polyurethane với 2 dòng phản xạ siêu âm, siêu mềm ở đầu xa, 1 ống kim loại được tích hợp ở phần đầu gần để tăng khả năng xử lý; Chiều dài catheter: 210 mm, đường kính trong / ngoài: 0,5 1,5 mm, catheter nhô ra 50 mm; Có 6 vòng đánh dấu hướng dẫn gần phần đuôi catheter; Polyurethane kiểm nghiệm USP cấp VI; Được khử trùng bằng chiếu xạ, đóng gói đơn chiếc; đạt chuẩn kiểm định thiết bị Y tế loại IIa theo chỉ thị 93/42/EEC. Tiêu chuẩn CE	Cái	350
26	Môi trường chọn lọc tinh trùng	Môi trường dùng để phân loại tinh trùng theo phương pháp gradient; Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa các hạt keo silica phủ silane; pH (tại +20°C±1°C và môi trường xung quanh): 7,60±0,20; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 300±10; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: <0,5; Thử nghiệm phục hồi tinh trùng người (tỷ lệ phục hồi sau khi phân tách) [%]: ≥25; Thành phần: Calcium chloride, Glucose, HEPES, Magnesium sulphate, mono-Potassium hydrogen phosphate, Potassium chloride, Hạt keo silica phủ silane, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm; Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Kit	10
27	Dung dịch nhuộm Hematoxylin	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485. Chai ≥ 500ml. Bảo quản tại nhiệt độ môi trường.	Chai	4
28	Môi trường nuôi cấy phôi từ ngày 1 đến ngày 5	Môi trường dùng để nuôi cấy phôi. Độ pH (at 37°C, 6 % CO2): 7,20 - 7,45. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml): < 0,25; MEA (Blastocysts sau 96 giờ in %): ≥ 80%. Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH2PO4, MgSO4 x 7H2O, NaHCO3, CaCl2 x 2 H2O, Dextrose-anhydrous, Na-Lactate (50% solution), Na-Pyruvate, EDTA, Na-Alanyl-Glutamine, water, nonessential and	Lọ	3

		essential amino acids and 1% HSA. Lọ ≥ 50ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
29	Môi trường tách noãn	Môi trường dùng để tách noãn có chứa HEPES, không yêu cầu CO ₂ , nhiệt độ ở 37 °C. Độ pH (at 37°C, 6% CO ₂): 7,20 - 7,60. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml): < 1. MEA (Blastocysts sau 96giờ): ≥ 80%. Thành phần gồm: 80 IU/ml pharmaceutical grade hyaluronidase from bovine origin solved in HEPES-buffered medium. Lọ 5ml.	Lọ	2
30	Môi trường lọc rửa tinh trùng dùng CO ₂	Môi trường lọc rửa tinh trùng để ủ ấm CO ₂ trước khi sử dụng. Độ pH (tại nhiệt độ 37°C, 6% CO ₂): 7,20-7,5. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml): < 0.25. MEA (Blastocysts sau 96 giờ): ≥ 80%. Thành phần gồm: NaCl, KCL, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ .7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ .2H ₂ O, Dextroseanhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Na-Alanyl-Glutamine, 15 mmol HEPES, H ₂ O, non-essential and essential amino acids, 0.5% HAS, Gentamicin, Phenolred. Lọ ≥ 50 ml.	Lọ	2
31	Môi trường ICSI PVP	Môi trường dùng để làm chậm khả năng vận động của tinh trùng có chứa HEPES, 10% PolyVinylPyrrolidone (MW 360 000), không yêu cầu CO ₂ , nhiệt độ ở 37°C. Độ pH (tại 37°C, 6% CO ₂): 7,20-7,60. Osmolality (mOsm/kg): 280-320. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml): < 1.00. Độ nhớt (ở 30°C): > 170 cP. MEA (Blastocysts sau 96 giờ): ≥ 80% Thành phần gồm: 10 % dialysed Ph Eur grade polyvinylpyrrolidone solved in an aqueous solution containing physiologic salts, HEPES, lactate, pyruvate, glucose and human albumin solution. Hộp 5x 0,2ml.	Hộp	3
32	Môi trường lọc tinh trùng	Môi trường pH: 7,20 ± 7,6. Mức độ đục tối: 0,001. Độ đục vi khuẩn < 0,25 (IU). Đóng gói Kit ≥ 2 x 100ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Kit	13
33	Môi trường đông phôi	Thành phần chứa: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Ethylene Glycol; Dimethyl Sulfoxide; Endotoxin free Trehalose. Bao gồm: dung môi ES, dung môi VS, 4 cọng trữ và 3 đĩa đông. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kit	660
34	Môi trường rã đông phôi	Thành phần chứa: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Endotoxin free; Trehalose. Dùng cho 5 lần rã. Bao gồm: dung môi TS, dung môi DS và WS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kit	820
35	Ống bơm tinh trùng dài 16,9 cm.	Ống bơm tinh trùng vào buồng cổ tử cung. Ống được thiết kế với đầu mềm, ít gây tổn thương cho buồng cổ tử cung. Có khóa cho các trường hợp dùng với bơm tiêm. Chiều dài: 169 mm ± 2 mm. Đường kính ống: 2 mm ± 0,05 mm. Thể tích: tối thiểu 0,057 ml. Được tiệt trùng từng cái. Tiệt trùng bằng nhiệt độ thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300
36	Catheter chuyển phôi	Dùng để chuyển phôi trong kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Bộ dụng cụ gồm 02 bộ phận. Gây A-Guiding catheter. Cây C-Loading catheter. A-Guiding catheter có chiều dài C: 200mm (±2mm), đường kính ngoài OD: 2,00mm(±0,05mm), C-Loading catheter có chiều dài C:266mm (±2mm), đường kính ngoài OD: 1,00mm(±0,05mm), dung tích 0,21ml. Cấu tạo catheter load phôi đầu mềm, có hỗ trợ tăng cứng phía trong để dễ dàng load phôi và chuyển phôi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.600
37	Kim giữ noãn	Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (O.D 1mm; I.D 0,75 mm). Tổng chiều dài là 5,5 mm, đầu mở được đánh bóng. Chiều dài của tay là 1mm. Góc từ 20 – 40 độ. Kích cỡ đường kính kim: O.D 120 um. Loại nhỏ và vừa có I.D từ 15 – 20 um. Loại dài có I.D dài 25 um. Giữ kim được thiết kế thẳng hoặc	Cái	26

QUANG

		góc cong. Giữ kim chỉ sử dụng 1 lần. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
38	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Dùng hút tinh trùng và bơm tinh trùng vào noãn. Số sê ri riêng cho từng kim. Đây là yếu tố kiểm soát chất lượng cho phép truy suất nguồn gốc của các kim riêng lẻ. Kim được làm từ thủy tinh borosilicate. Tổng chiều dài là 5,5 mm. Chiều dài đầu kim: 0,9mm. Đầu kim nhọn và nghiêng 30 độ, 35 độ. I.D của tips từ 4,5 – 5µm. Kim ICSI được đóng gói riêng từng cái và được tiệt trùng. Sử dụng 1 lần.	Cái	500
39	Ống đồng tinh 1,8 ml	Thể tích ống: 1,8 ml. Kích thước: 48 x 12,4 mm (Cao x đường kính). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	350
40	Cọng trữ trứng, phôi	Đặc điểm: Là phiên bản gần nhất cải tiến cho phương pháp thủy tinh hóa. Có 5 màu khác nhau: Chất liệu: Polyethylene Terephthalate, Titan oxide, Ultramarine blue, Chiều dài tổng: 135mm. Chiều dài: 105mm. Chiều dài nắp: 65mm. Độ dày phôi chứa: 0,1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
41	Dung dịch vệ sinh tủ cấy	Dùng để khử trùng bề mặt kim loại như tủ CO2, tủ thao tác, các thiết bị trong IVF Lab. Đã được thử nghiệm MEA. An toàn, không độc, Không độc hại, không cồn, không mùi không gây ảnh hưởng đến phôi trứng. Dễ sử dụng, không pha loãng nước. Hiệu quả phòng chống lại bệnh viêm gan B, HIV, rotavirus trong vòng 1 phút, mycobacterium trong vòng 5 phút và vi khuẩn, nấm (candida) trong vòng 15 phút. Bình ≥ 5 lít.	Bình	5
42	Dung dịch vệ sinh sàn	Không chứa cồn. Pha loãng nước với tỷ lệ 10 ml chất khử trùng với 1 lít nước. Diệt khuẩn, diệt nấm (candida), algaecide và selevtively virucide. Trung hòa vi khuẩn gây ra mùi hôi, khả năng tương thích làn da đẹp, không vết. Hòa tan vết máu khô và không chứa bất kỳ hợp chất độc hại dễ bay hơi cao nên được sử dụng trong các phòng thí nghiệm khép kín mà không có đủ thông gió. Tương thích với kim loại, nhựa, cao su và gỗ. Bình ≥ 2 lít	Bình	1
43	Hộp nuôi cấy 4 giếng	Là loại hộp nuôi cấy 4 giếng. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst. Test thử nghiệm độc tố: LAL ≤ 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI ≥ 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Chiều cao đĩa: 9,5 mm. Đường kính đĩa: 15,5mm. Dung tích một giếng: 0,5ml Dung tích của phần khoảng cách các giếng: 7ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi.	Cái	480
44	Hộp nuôi cấy 35 mm	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 35mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst. Test thử nghiệm độc tố: LAL ≤ 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI ≥ 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Thành cao. Chiều cao đĩa: 9.7 mm. Đường kính đĩa: 34,7mm. Dung tích giọt: 20-50µl. Dung tích: 8ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi.	Cái	960
45	Đĩa Petri nhỡ 1 lòng	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 100mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst. Test thử nghiệm độc tố: LAL ≤ 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI ≥ 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Chiều cao đĩa: 18 mm. Đường kính đĩa: 86,0mm. Dung tích giọt: 20-50µl. Dung tích: 105 ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi.	Cái	250
46	Đĩa Petri nhỡ 2 lòng	Là loại hộp nuôi cấy 2 giếng. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst. Test	Cái	620

		thử nghiệm độc tố: LAL \leq 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI \geq 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Chiều cao giếng ngoài của đĩa: 12 mm. Đường kính giếng ngoài của đĩa: 53,7mm. Chiều sâu giếng ngoài của đĩa: 7mm. Dung tích giếng ngoài: 5ml. Giếng ngoài được chia thành 2 phần. Đường kính giếng trong của đĩa: 18,7mm. Chiều sâu giếng trong của đĩa: 4mm. Dung tích giếng trong: 3ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi.		
47	Đĩa nuôi cấy 60 mm	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 60mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst. Test thử nghiệm độc tố: LAL \leq 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI \geq 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Chiều cao đĩa: 12 mm. Đường kính đĩa: 53,7mm. Dung tích giọt: 20-50 μ l. Dung tích: 25ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi.	Cái	500
48	Lọc khí CO2	Cấu tạo bộ lọc không có thành phần hóa chất. Bộ lọc khí hình trụ tròn chức năng lọc triệt để các khí VOCs, CACs, vi khuẩn, các loại mùi, bụi, các hợp chất hóa học không gây hại và các phần tử hạt bụi nhỏ. Bộ lọc với than hoạt tính tinh khiết và màng lọc PTPE 0.2 μ giúp loại bỏ tối đa vi khuẩn và lọc có hiệu quả 10 cfu/cm2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12
49	Bơm tiêm 10 ml chọc trứng	Chất liệu: Polystyrene. Bơm tiêm 3 nắp đã được tiệt trùng riêng từng chiếc. Đầu bơm nằm ở giữa. Thân bơm tiêm bằng chất liệu trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng, dễ đọc Pitong làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt, không gây phản ứng với thuốc, độ đàn hồi tốt, bám khít mặt trong bơm tiêm tránh rò rỉ thuốc, Pitong di chuyển trong thân bơm tiêm trơn, nhẹ nhàng. Đóng gói và tiệt trùng riêng lẻ từng chiếc thuận lợi cho việc quản lý sử dụng. Công nghệ tiệt trùng chùm điện tử và đóng gói hiện đại, vô khuẩn tuyệt đối. Dung tích: 10 ml.	Cái	22.000
50	Bơm tiêm 3 nắp 1ml	Là loại bơm tiêm 3 nắp được đóng gói và tiệt trùng riêng từng cái. Đầu bơm nằm ở giữa. Được làm bằng vật liệu Polystyrene. Kích thước: 0,45 mm x 13 mm. Dung tích: 1 ml	Cái	2.000
51	Ống nghiệm tiệt trùng 5 ml.	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst. Thử nghiệm nội tiết tố không gây sốt, Endotoxin: LAL \leq 0,03 EU / mL. Thử nghiệm độ sống sót và di động tinh trùng: SMI \geq 0,75. Cho hình ảnh rõ ràng trên kính hiển vi. Trao đổi nhiệt tốt. Thiết kế dễ dàng cầm nắm. Được tiệt trùng với tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	2.500
52	Ống nghiệm tiệt trùng 14 ml.	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst. Thử nghiệm nội tiết tố không gây sốt, Endotoxin: LAL \leq 0,03 EU / mL. Thử nghiệm độ sống sót và di động tinh trùng: SMI \geq 0,75. Cho hình ảnh rõ ràng trên kính hiển vi. Trao đổi nhiệt tốt. Thiết kế dễ dàng cầm nắm. Được tiệt trùng với tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	3.500
53	Ống ly tâm tiệt trùng 15 ml.	Ống được làm bằng Polystyrene siêu sạch hoàn toàn. Là loại ống nghiệm đáy tròn, có nắp 2 nắp, được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc Kích thước: 119,6 mm x 17,68 mm x 15,77 mm x 22,48 (Chiều cao x Đường kính phía trên x Đường kính đáy). Dung tích: 15 ml. Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	1.800
54	Pipette hút mẫu 1ml tiệt trùng đơn chiếc.	Pipette được làm hoàn toàn bằng Polystyrene. Là loại pipette hút mẫu được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Kích thước: A = 279,40 mm. (Chiều dài pipette) B = 3,35 mm. (Đường kính ở phía dưới cùng của pipette) C = 4,65 mm. (Đường kính ở đầu trên của pipette) D = 4,65 mm. (Đường	Cái	15.000

		kính ở giữa pipette). Dung tích pipette: 1 ml. Sai số: ±3%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
55	Pipette Pasteur tiệt trùng	Được đóng gói và tiệt trùng. Chiều dài: 150 mm. Đường kính bên ngoài: từ 6,8 – 7,1 mm. Độ dày của lớp thủy tinh: từ 0,5 – 0,53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	11.000
56	Pipette tiệt trùng 10 ml	Pipette được làm bằng Polystyrene. Là loại pipette hút mẫu được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Kích thước: A = 346,81 mm. (Chiều dài pipette) B = 3,30 mm. (Đường kính ở phía dưới cùng của pipette) C = 8,05 mm. (Đường kính ở đầu trên của pipette) D = 9,61 mm. (Đường kính ở giữa pipette). Dung tích pipette: 10 ml. Sai số: ± 2% .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	7.500
57	Đầu tip tiệt trùng đơn chiếc 2µl- 200 µl	Đầu tip được tiệt trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 2 – 200 µl. Chiều dài đầu tip: 53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4.500
58	Đầu côn tiệt trùng đơn chiếc 0,1µl - 20µl	Là loại đầu tip được tiệt trùng riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 0,1 – 20 µl. Chiều dài đầu tip: 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.500
59	Lọ lấy mẫu tinh dịch	Dung tích lọ 125 ml. Lọ được tiệt trùng riêng từng chiếc. Nắp lọ màu đỏ và có rãnh. Thân lọ có 4 vạch chia. Thân lọ có vị trí ghi thông tin. Lọ được làm bằng nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.150
60	Bao cao su dùng cho đầu dò máy siêu âm để lấy noãn	Là loại bao cao su chuyên dụng dùng cho vệ cho đầu dò siêu âm. Nó được thiết kế đặc biệt và bảo vệ các tổ chức và dịch của phụ nữ, đảm bảo an toàn cao cho phòng khám và bệnh nhân. Là loại bao không chứa chất diệt tinh trùng. Bao chỉ sử dụng 1 lần và được đóng gói riêng từng cái.	Cái	1.900
61	Đĩa nuôi cấy phôi cố định dùng cho tủ nuôi cấy phôi	Đĩa nuôi cấy phôi cố định, sử dụng cho tủ nuôi cấy phôi Geri. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	700
62	Bình nước cân bằng môi trường cho tủ nuôi cấy phôi	Bình nước cân bằng môi trường. Dùng cho tủ nuôi cấy phôi Geri. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	72
63	Khí trộn cho tủ nuôi cấy phôi	Thành phần: 6% CO ₂ + 6% O ₂ trong N ₂ . Áp suất: 144 bar. Tol: +/- 10%. Acc: +/- 2%. Van BS3. Dung lượng khí: 7,2 M3. Sử dụng được cho tủ nuôi cấy phôi Geri	Chai	26
64	Màng lọc cho tủ nuôi cấy phôi Geri	Màng lọc khí dùng cho tủ nuôi cấy phôi Geri. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	36
65	Môi trường hoạt hóa noãn	Môi trường dùng để kiểm tra noãn bào ở những bệnh nhân đã có quá trình thụ tinh trước đó thất bại do thiếu sự hoạt hóa noãn. Độ pH (ở 37 °C, 6 % CO ₂): 7,0 -7,6. Osmolality (mOsm/kg): 420-490. Tiệt trùng: sterile - SAL 10 ⁻³ . Endotoxins (EU/ml): < 0.25. MEA (Blastocysts after 96 h in %): ≥ 80. Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ .7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ .2H ₂ O, D (+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Alanine-Glutamine, water, non-essential and essential Amino Acids, DMSO, Ca ²⁺ -Ionophore A23187. Bảo quản tại nhiệt độ: 2 - 8 độ C. Lọ ≥ 1ml	Lọ	6
66	Hóa chất phân tách tinh trùng sử dụng trong quy trình IUI và ICSI thể tích 0,85ml	Hóa chất lọc tinh trùng không cần: ly tâm, chuẩn bị mẫu,... Giảm thiểu phân mảnh tinh trùng đến mức tối đa 97.7%. Dung dịch tinh trùng đưa vào là 850 ul	Hộp	3
67	Hóa chất phân tách tinh trùng sử dụng trong quy trình IUI và ICSI thể tích 3ml	Hóa chất lọc tinh trùng không cần: ly tâm, chuẩn bị mẫu,... Giảm thiểu phân mảnh tinh trùng đến mức tối đa 97.7%. Dung dịch tinh trùng đưa vào là 3ml	Hộp	3
68	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP gồm 1 ống KIT 11ml có chứa gel và chất chống đông ACD-A. Quá trình chuẩn bị 6 bước trong thời gian quay 10 phút. Bao gồm thêm: 1 Kim cánh bướm 21G, 1 Holder sử dụng một lần, 1 kim chọc tuỷ Nhật số 18. Bảo quản tube ở nhiệt độ 4-25°C. Đạt tiêu chuẩn	Bộ	60

		CE, ISO 13485 hoặc tương đương.		
69	Găng tay không bột chuyên dùng cho hỗ trợ sinh sản	Là loại găng tay không bột. Được làm từ cao su tự nhiên cao cấp. Được tiệt trùng bằng tia gamma. Độ dẫn trước khi lão hoá: tối thiểu 750. Độ dẫn sau khi lão hoá: tối thiểu 560. Chiều dài của găng tay 280mm. Chiều rộng của găng tay 89 mm ± 5mm. Cường độ kéo trước khi lão hoá: tối thiểu 24Mpa. Cường độ kéo sau khi lão hoá: tối thiểu 18Mpa.	Đôi	4.200
70	Dụng cụ lọc tinh trùng sử dụng trong quy trình IUI và ICSI	Hóa chất lọc tinh trùng không cần: ly tâm, chuẩn bị mẫu,...Giảm thiểu phân mảnh tinh trùng đến mức tối đa: 96.2%. Dung dịch tinh trùng đưa vào đối với các mẫu : 2ul	Hộp	3
71	Thảm dậm chân dính bụi	- Qui cách: 30 lớp màng/ tấm. - Nguyên liệu: màng PE. - Chiều dày màng PE: 50um. - Độ mềm - cứng: 38-42 PHR. - Độ bám dính mặt trên: 350g. - Độ bám dính mặt dưới: 650g. - Màu sắc: Xanh dương (Blue). - Kích thước: 60cm x 90cm (24 x 36 inches).	Tấm	40
72	Môi trường đông trùng, phối nhanh các giai đoạn	Môi trường đông lạnh nhanh từ giai đoạn trứng đến giai đoạn túi phôi; Môi trường đệm MOPS; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7,30 ± 0,10; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Ethylene Glycol, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Magnesium sulphate, MOPS, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Sucrose, Taurine, Nước tiêm,...;	kit	50
73	Môi trường rã đông trứng, phối nhanh các giai đoạn	Môi trường rã đông nhanh từ giai đoạn trứng đến giai đoạn túi phôi; Môi trường đệm MOPS; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7,30 ± 0,10; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Magnesium sulphate, MOPS, Sodium pyruvate, Sucrose, Taurine, Nước tiêm...;	kit	50
74	Đĩa phản ứng 96 giếng cho giải trình tự gen	Được làm từ polypropylene ở định dạng 96 giếng, 0.2ml. Giảm thiểu sự nhiễu tín hiệu huỳnh quang giữa các giếng. Quy cách: Hộp ≥ 10 đĩa	Hộp	8
75	Tấm đệm Cathode Buffer cho máy giải trình tự gen	Dùng để đệm Cathode Buffer cho máy SeqStudio. Bao gồm 2 loại tấm đệm tương thích với 2 ngăn của Cathode Buffer Container. Quy cách: Hộp ≥ 20 tấm	Hộp	1
76	Dung dịch hoàn nguyên mẫu giải trình tự trước khi điện di	Công thức Formamide khử ion cao với một chất ổn định. Được sử dụng để hoàn nguyên mẫu giải trình tự trước khi điện di mao quản. Quy cách: Lọ ≥ 25ml	Lọ	4

	mao quản			
77	Cartridge giải trình tự gen	Tích hợp sẵn gel, điện cực dương, mao quản và bơm trên cùng một cartridge. Mao quản có chiều dài 28cm. Sử dụng cho 125 lần bơm điện di. Quy cách: Bộ ≥ 500 mẫu	Bộ	7
78	Cathode Buffer Container cho máy giải trình tự gen	Hỗ trợ cho các ứng dụng giải trình tự và phân tích đoạn. Gồm 2 ngăn: một ngăn chứa đệm cực dương dùng để điện di; một ngăn chứa dung dịch rửa đầu mao quản. Quy cách: Hộp ≥ 01 bộ	Hộp	6
79	Bảo quản đầu mao quản	Được sử dụng để bảo quản đầu mao quản. Chỉ sử dụng một lần.	Hộp	4
80	Tấm đẩy đĩa 96 giếng cho giải trình tự gen	Được sử dụng để đẩy đĩa 96 giếng.	Hộp	5
81	Bộ sinh phẩm giải trình tự gen theo nguyên lý Sanger	Thành phần bao gồm BigDye Terminator v3.1 Ready Reaction Mix, M13 (-21) Primer, pGEM Control DNA và 5X Sequencing Buffer. H8Sử dụng cho các thiết bị giải trình tự gen nguyên lý Sanger	Hộp	4
82	Bộ tinh lọc cho các phản ứng giải trình tự DNA	Thành phần gồm Xterminator Solution và SAM Solution. Sử dụng cho các thiết bị giải trình tự gen nguyên lý Sanger	Hộp	4
84	Hóa chất kiểm tra thư viện Qubit	Hóa chất kiểm tra thư viện với độ nhạy cao: 0,2 - 100ng ds DNA. Sử dụng cho hệ thống đo Qubit. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	15
85	Hoá chất tinh sạch sản phẩm PCR bằng hạt từ	Là hóa chất dùng để tinh sạch sản phẩm PCR ra khỏi các tạp chất trong dung dịch. Thu được DNA với độ tinh sạch cao và kích thước mong muốn (>100bp). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	30
86	Dung dịch rửa phôi	Dung dịch rửa phôi, thành phần không chứa phenol red. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Hộp	20
87	Đệm rửa phôi PBS buffer	Đệm rửa phôi chuyên dụng thành phần: 8 mM Na2HPO4, 2 mM KH 2PO4, 2.7 mM KCl, 137 mM NaCl, pH 7.4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	3
88	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 13 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 13. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 phản ứng	Kit	1
89	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 18 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 18. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 phản ứng	Kit	1
90	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 21 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 21. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 phản ứng	Kit	1
91	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể XY bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể XY. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương.Kit ≥ 25 phản ứng	Kit	1
92	Kit sàng lọc các marker STS AZF cơ bản trên nhiễm sắc thể Y ở vùng AZFa, AZFb và AZFc	Đạt chuẩn CE IVD. Kit phát hiện 8 markers sY255, sY127, sY134, sY86, sY84, sY254, ZFX, sY14. Kit ≥ 25 tests	Kit	6
93	Kit xét nghiệm mở rộng hơn cho các vùng AZF khác nhau	Đạt chuẩn CE IVD. Kit phát hiện 13 markers (sY160, gr/gr (sY1191, sY1192), ZFX, sY14, sY1291, sY88, sY1065, sY82, sY83, sY153, sY121, sY105. Kit ≥ 25 tests	Kit	6
94	Bộ căn chỉnh màu huỳnh quang DS-31	Hóa chất căn chỉnh huỳnh quang các dye FAM, NED, ROX, VIC	Bộ	1
95	Kit phát hiện đồng thời 6 biến thể di truyền liên quan đến chứng rối loạn đông máu	Đạt chuẩn CE IVD. Kit phát hiện các markers Factor V Leiden, G1691A/R506Q ; Factor V R2, H1299R ; Prothrombin/Factor II, G20210A ; 5,10 Metylenetetrahydrofolate Reductase (MTHFR), C677T; MTHFR, A1298C; Plasminogen Activator Inhibitor 1 (PAI-1/SERPINE1) 4G/5G	Kit	10

96	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange. Được dùng để đánh giá độ phân giải, cường độ và tín hiệu nền trên các thiết bị phân tích điện di mao quản, xác định kích thước các đoạn DNA. Thích hợp sử dụng với các thiết bị điện di mao quản Genetic Analyzer 3100, 3500 và 3730.	Kit	6
97	Môi trường nuôi cấy tế bào 0i đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ cho sự phát triển của các tế bào nước 0i người trong nuôi cấy ngắn hạn phục vụ cho việc nghiên cứu di truyền tế bào và các quy trình chẩn đoán in vitro	Lọ	90
98	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ, giúp cho sự phát triển các tế bào lympho máu ngoại vi trong nuôi cấy ngắn hạn, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào và trong các quy trình chẩn đoán in vitro.	Lọ	54
99	Huyết thanh bào thai bê loại 1	Mức độ nội độc tố (Endotoxin): ≤ 5 EU/ml (Mức thông thường ≤ 10 EU/ml). Mức độ Hemoglobin: ≤ 10 mg/dl (Mức thông thường ≤ 25 mg/dl)	Chai	2
100	PBS dạng viên	Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red. Nồng độ: 1X	Lọ	2
101	Hóa chất nhuộm Giemsa	Dung dịch được sử dụng cho kỹ thuật nhuộm băng G (G-banding) nhiễm sắc thể để phân tích tế bào học	Lọ	10
102	Dung dịch đệm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa	Chuẩn bị dung dịch đệm phosphat pH 6.8, nhằm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa sử dụng trong phương pháp nhuộm G-banding nhiễm sắc thể, phục vụ chẩn đoán di truyền học tế bào.	Chai	1
103	Hóa chất bất hoạt tế bào hypotonic	Dung dịch hypotonic 0.075 M dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping	Hộp	10
104	Muối đệm cân bằng có phenol red	Bao gồm: Calcium, Magnesium, Glucose, Phenol Red. Không chứa: Sodium Pyruvate. Dải pH: 6.7 - 7.8.	Chai	10
105	Dung dịch 0.25% Trypsin- EDTA	Được làm từ bột trypsin, một hỗn hợp protease được chiếu xạ có nguồn gốc từ tuyến tụy lợn. Chất chelator: Có EDTA, có phenol red. Độ pH: 7.2 - 8.0	Lọ	15
106	Dung dịch acid acetic tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO	Lọ	6
107	Methanol tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO	Lọ	18
108	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai CMV/EBV/HHV	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
109	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Rubella	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
110	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Parvovirus B19	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
111	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Toxoplasma gondii	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
112	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Neisseria Gonorrhoeae	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
113	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Streptococcus B	Đạt chuẩn CE IVD. Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC	Bộ	1
114	Bộ kit cung cấp đầy đủ thành phần cho phản ứng PCR sử dụng công nghệ hotstart	Bộ kit cung cấp đầy đủ thành phần cho phản ứng PCR sử dụng công nghệ hotstart. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	2
115	Hoá chất cho phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn gồm Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl ₂ và các đệm phản ứng. Bao gồm 2 màu nhuộm xanh và vàng cho phép kiểm tra trong quá trình điện di. Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	36

		13485		
116	Hoá chất khuếch đại DNA bằng phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn gồm Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl ₂ và các đệm phản ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2
117	Thang chuẩn 100 DNA	Thang chuẩn 100 DNA ứng dụng điện di DNA genomes. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	12
118	Thang chuẩn 1000 DNA	Thang chuẩn 1000 DNA ứng dụng điện di DNA genomes. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	12
119	Thuốc nhuộm gel	Thuốc nhuộm gel an toàn. Tương thích với nhiều transilluminator UV. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	12
120	Thạch điện di	Ứng dụng điện di với DNA kích thước : 100bp đến 30kb. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	5
121	Đệm điện di TAE	Sử dụng trong điện di. Nồng độ 10X. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Bình	12
122	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta	Hộp	1
123	Acid HCl tuyệt đối dùng cho sinh học phân tử	Độ tinh khiết cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	1
124	Cồn Isopropanol tinh khiết	'Cồn Isopropanol tinh khiết. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bình	1
125	Dung dịch NaOH tinh khiết	Độ tinh khiết cao, trọng lượng 40.00 g/mol, ứng dụng làm biến tính DNA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	1
126	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	10
127	Nước tinh khiết	Nước tinh sạch chuyên dụng cho sinh học phân tử, không chứa DNase và RNase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	10
128	Kit khuếch đại genome	Bộ kit khuếch đại genome từ 1 tế bào, phù hợp cho các nghiên cứu như PGS, PGD. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	1
129	Môi cho các phản ứng PCR	Môi cho các phản ứng PCR. Nồng độ 25 nmol. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Ống	200
130	Môi cho các phản ứng PCR có gắn probe	Probe gắn huỳnh quang. Nồng độ 25 nmol. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Ống	80
131	Chai nuôi cấy vô trùng có nắp lọc 25 cm ²	Diện tích nuôi cấy 25cm ² hờ có màng lọc. Vật liệu: Polystyrene . Kiểu chai: hình hộp chữ nhật. Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng vật liệu Polyethylene. Xử lý bề mặt giúp tế bào bám dính tối ưu. Thể tích trung bình: 5 - 7,5ml. Thể tích làm việc tối đa: 10ml. Tiệt trùng bằng tia gamma và không chứa nội độc tố	Thùng	5
132	Ống PCR 0,2 ml	Ống PCR nắp phẳng, đáy chữ V, thành mỏng trong suốt. Tốc độ ly tâm góc tối đa: 18.000 vòng/phút. Chứng nhận free Dnase, Rnase. Khử trùng ở 121 độ C trong vòng 15 phút	Cái	10.000
133	Strip PCR 0,2ml không kèm nắp	PCR strip thành mỏng độ dày đồng đều. Độ trong suốt cao đảm bảo truyền nhiệt tối đa và giảm thời gian làm việc. Chứng nhận free Dnase, Rnase. Khử trùng ở 121 độ C trong vòng 15 phút	Strip	3.000
134	Strip PCR 0,2ml kèm nắp	PCR strip nắp phẳng. Chứng nhận free Dnase, Rnase. Khử trùng ở 121 độ C trong vòng 15 phút	Strip	360
135	Hộp lưu mẫu 100 vị trí cho ống 1,5ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene, màu trắng. Có thể khử trùng 100 vị trí (10x10)	Thùng	2
136	Ống đo Qubit	Ống đo Qubit. Được chế tạo từ polypropylene. Ống thành mỏng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi	6
137	Hóa chất tinh sạch sản phẩm PCR	Thiết kế dạng cột, hiệu suất thu hồi DNA cao. DNA thu hồi được sử dụng cho PCR, giải trình tự gen. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Kit	1
138	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi dùng cho kính hiển vi Olympus. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Lọ	7
139	Khay đựng ống 2ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene. 80 vị trí (5x16)	Cái	10
140	Khay đựng ống 0.2ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene. 96 vị trí (8x12)	Cái	100
141	Dung dịch NaCL tinh khiết	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	1
142	EDTA	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	1

143	Sodium phosphate dibasic	Hóa chất cho sinh học phân tử. Độ tinh sạch đạt : 99.5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	1
144	Giấy lau chuyên dụng	Giấy lau chuyên dụng dùng cho labo xét nghiệm. Trong quá trình thao tác không phát sinh bụi, mặt giấy gây ảnh hưởng đến xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	hộp	5
145	Ống ly tâm 1,5ml	Ống ly tâm thể tích 1,5ml. Không chứa Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Túi	10
146	Ống ly tâm 2ml	Ống ly tâm thể tích 2ml. Không chứa Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Túi	10
147	Ống ly tâm 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15ml, có vạch chia trên thân ống. Không chứa Dnase/Rnase, có thể khử trùng. Làm từ vật liệu Polypropylen. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	túi	40
148	Kit tách chiết DNA	Kit tách chiết bằng công nghệ cột, đơn giản, dễ thao tác, hiệu suất thu DNA rất cao. Tách chiết từ dải rộng mẫu đầu vào: máu toàn phần, đờm, nước tiểu và dịch cơ thể.	hộp	6
149	Kit chứa các đoạn DNA đánh dấu huỳnh quang màu LIZ	Chứa các đoạn DNA đánh dấu huỳnh quang màu LIZ. Được thiết kế để xác định các đoạn DNA trong dải kích thước 35-500bp. Bao gồm 16 đoạn DNA mạch đơn có kích thước 20, 40, 60, 80, 100, 114, 120, 140, 160, 180, 200, 214, 220, 240, 250, 260, 280, 300, 314, 320, 340, 360, 380, 400, 414, 420, 440, 460, 480, 500, 514, 520, 540, 560, 580 và 600 nucleotides	Kit	2
150	Hóa chất chẩn đoán bệnh teo cơ tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trên hệ thống phân tích di truyền - Phát hiện chính xác và nhất quán các trạng thái số bản sao Exon 7 là 0, 1 hoặc ≥ 2 cho cả SMN1 và SMN2 - Xác định quá trình đảo đoạn ở Exon 7 giữa SMN1 và SMN2 - Phát hiện biến thể đơn bội có liên quan tới tình trạng mang gen SMA lặn (2+0) 	Kit	1
151	Kali clorid tinh khiết cho phân tích	Dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping	lọ	1
152	Ống 2ml	Thể tích 2ml, có chia vạch, nắp và ống trong đã tiệt trùng Được chứng nhận không có chất ức chế PCR, Rnase, Dnase, DNA	hộp	10
153	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ. Không chứa Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Hộp	120
154	Màng lọc cho Tủ an toàn sinh học cấp 2 1300 SERIES A2-ThermoFisher	Hệ thống màng lọc hiệu năng cao (HEPA Filter) với với hiệu suất lọc đến $\geq 99,995\%$ tại filter 0.3 micron.	cái	1

Tên đơn vị báo giá.....
 Email:.....



PHỤ LỤC 2
BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau: Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định của BYT(thông tư 04)	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kĩ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 90 ngày gần nhất				Mã kê khai giá theo ND98	
															Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định		Giá kê khai theo ND 98
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện.

Báo giá này có hiệu lực.....kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]